

**CÔNG TY TNHH DKC TECH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DKC TECH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DKC TECH COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2301216373

**3. Ngày thành lập:** 28/07/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Thiểm Xuyên, Xã Thụy Hòa, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0338 260 000

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                     | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                           | 4511     |
| 2.  | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                                   | 4512     |
| 3.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                            | 4530     |
| 4.  | Bán mô tô, xe máy                                                                             | 4541     |
| 5.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy                                         | 4543     |
| 6.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                        | 4620     |
| 7.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                | 4631     |
| 8.  | Bán buôn thực phẩm                                                                            | 4632     |
| 9.  | Bán buôn đồ uống                                                                              | 4633     |
| 10. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                          | 4641     |
| 11. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                            | 4649     |
| 12. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                           | 4651     |
| 13. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                            | 4652     |
| 14. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                        | 4653     |
| 15. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                               | 4659     |
| 16. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                  | 4661     |
| 17. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                           | 4662     |
| 18. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                       | 4663     |
| 19. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                             | 4669     |
| 20. | Dịch vụ đóng gói                                                                              | 8292     |
| 21. | Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao) | 9610     |

|     |                                                                                                                                                                         |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 22. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                         | 6209        |
| 23. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                       | 4690        |
| 24. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                    | 4711        |
| 25. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                      | 4719        |
| 26. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                       | 4721        |
| 27. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                        | 4722        |
| 28. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                          | 4723        |
| 29. | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                               | 4730        |
| 30. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                | 1812        |
| 31. | Sản xuất linh kiện điện tử<br>Chi tiết: Sản xuất, gia công linh kiện điện tử                                                                                            | 2610(Chính) |
| 32. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet                                                                                                                 | 4791        |
| 33. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                            | 4799        |
| 34. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                 | 5225        |
| 35. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                                                                                     | 5229        |
| 36. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                               | 5510        |
| 37. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                        | 5610        |
| 38. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                | 5621        |
| 39. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                    | 5629        |
| 40. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                 | 5630        |
| 41. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                     | 7990        |
| 42. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp                                                                                                                                                 | 8110        |
| 43. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                   | 8130        |
| 44. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                                                   | 8211        |
| 45. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                  | 4741        |
| 46. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                               | 4742        |
| 47. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                         | 4751        |
| 48. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752        |
| 49. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                             | 4753        |
| 50. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759        |
| 51. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                | 4761        |

|     |                                                                                         |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 52. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh              | 4763 |
| 53. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                                | 4764 |
| 54. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4772 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_  
 Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
 Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
 Địa chỉ thường trú: \_\_\_\_\_  
 Địa chỉ liên lạc: \_\_\_\_\_

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN DUY \_\_\_\_\_ Giới tính: Nam  
 Chức danh: Giám đốc  
 Sinh ngày: 02/08/1989 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam  
 Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân  
 Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027089012705  
 Ngày cấp: 09/05/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội  
 Địa chỉ thường trú: Thôn Thiểm Xuyên, Xã Thụy Hòa, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam  
 Địa chỉ liên lạc: Thôn Thiểm Xuyên, Xã Thụy Hòa, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh